

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-PT

Ngày 04-6-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Lệ Thủy

Các Thẩm phán: Ông Đào Trọng Hải

Bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2024/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 117/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2024/QĐXXPT-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 13/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ F, ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T: Ông Võ Thanh K – Luật sư Công ty L và Cộng sự (LOGICLAW) thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: 4 Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ F, ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- Người kháng cáo: Anh Trần Văn T - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Huỳnh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 19/10/2012 (Giấy đăng ký số 174), hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T phát hiện qua tin nhắn chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Anh và chị N không còn sống chung với nhau khoảng tháng 9 năm 2023. Nay anh yêu cầu ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 08/6/2013 và cháu Trần Tâm Như N1, sinh ngày 29/01/2021; các cháu đang sống cùng anh T, ly hôn anh T yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 11/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Huỳnh N trình bày:

Chị thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống như anh Trần Văn T trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, anh T không tôn trọng chị, tiền làm ăn được anh T không đưa cho vợ mà đưa cho mẹ ruột; vài năm gần đây thì anh T cùng gia đình chồng tu hành tại gia ăn chay tụng kinh không quan tâm quan hệ vợ chồng; giáo dục cháu Ngọc Y ăn chay ngồi thiền, không cho cháu tham gia sinh hoạt ngoại khóa của nhà trường ảnh hưởng đến việc học của con. Anh T thu giữ điện thoại của chị N, ngăn cản sự tự do của chị và cho rằng chị N ngoại tình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Anh T có đơn xin ly hôn, trong thời gian chờ Tòa án giải quyết thì anh T và gia đình chồng áp lực về tinh thần chị, cụ thể không cho chị sử dụng điện thoại, quản lý việc đi lại nên ba mẹ chị N xin phép đưa chị về quê tại tỉnh Trà Vinh. Chị N đồng ý ly hôn theo đề nghị của anh T.

Về con chung: Chị N xác nhận như lời khai của anh T, nếu ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 117/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T với chị Nguyễn Huỳnh N về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Huỳnh N.

- Về nuôi con chung: Anh Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 08/6/2013; chị Nguyễn Huỳnh N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Tâm Như N1, sinh ngày 29/01/2021.

Buộc anh Trần Văn T giao lại cháu Trần Tâm Như N1 cho chị Nguyễn Huỳnh N nuôi dưỡng.

- Về chia tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 22/11/2023, anh T làm đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm về phần con chung theo hướng giao cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 08/6/2013 và cháu Trần Tâm Như N1, sinh ngày 29/01/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Anh T cho rằng chị Như không đủ điều kiện để nuôi cháu N1 do đang ở chung với cha mẹ, thu nhập không ổn định và khu vực chị N đang ở với cha mẹ tại huyện D, tỉnh Trà Vinh là vùng sông nước nguy hiểm cho con.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh T; giao cho anh T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Mặc dù, tại giai đoạn sơ thẩm cháu Trần Tâm Như N1 dưới 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ nuôi, nay cháu trên 36 tháng tuổi. Xét điều kiện kinh tế thì anh T đảm bảo nuôi con ổn định hơn chị N, hiện cả 2 con đang ở với anh T. Xét về mâu thuẫn vợ chồng theo anh T là do chị N ngoại tình và đã bỏ con dưới 36 tháng cho chồng nuôi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số 54 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 9 năm 2022 để sửa án sơ thẩm giao cháu Trần Tâm Như N1 cho anh T nuôi dưỡng; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Huỳnh N không đồng ý quan điểm của anh T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T. Chị N cho rằng anh T khai chị ngoại tình là không có căn cứ; chị đang kinh doanh thu nhập tháng khoảng 30.000.000 đồng; chị đang ở nhà của ba mẹ và tại quê hương của chị các cháu nhỏ vẫn học hành phát triển bình thường. Chị không tự ý bỏ con ra đi mà do trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án, chị bị anh T và gia đình chồng áp lực về mặt tinh thần, ba mẹ chị đã gặp gia đình chồng hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn nên xin phép đưa chị về quê. Chị nhớ con muốn xin đưa con về ngoại thì anh T không đồng ý; trong quá trình anh T nuôi cháu đã sơ ý để cháu N1 gãy tay, chị N về chăm sóc cháu trong thời gian điều trị tại Bệnh viện. Do đó, chị đề nghị được nuôi cháu Trần Tâm Như N1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Ngọc Y, chị N cũng muốn trực tiếp nuôi dưỡng tuy nhiên do Tòa án sơ thẩm hỏi ý kiến thì cháu có nguyện vọng ở với anh T nên chị tôn trọng ý kiến của con

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của anh T về hình thức, nội dung, thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn T; giữ nguyên

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 117/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của anh Trần Văn T thực hiện đúng trình tự, thủ tục và nộp đúng hạn theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, hôn nhân giữa anh T và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho anh T được ly hôn với chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2]. Xét kháng cáo của anh T về xin được nuôi cháu N1:

Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Huỳnh N có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 08/6/2013 và cháu Trần Tâm Như N1, sinh ngày 29/01/2021.

Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 08/6/2013 cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh T, chị N không có kháng cáo nội dung liên quan đến cháu Ngọc Y nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị N đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Tâm Như N1, sinh ngày 29/01/2021. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu N1 chưa được 36 tháng tuổi và Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị N nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị N và anh T là chính đáng. Tuy nhiên, khi vợ chồng ly hôn, việc giao con cho ai chăm sóc nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi của con.

Tại phiên tòa, anh T cho rằng anh có khả năng về kinh tế, có nhà ở nên đảm bảo điều kiện hơn chị N; anh T cho rằng chị N không có thu nhập, không có nhà ở mà sống cùng với ba mẹ, quê của chị N là vùng sông nước nên không đảm bảo điều kiện học hành của con. Anh T không nộp chứng cứ để chứng minh là chị N không có thu nhập; chị N khai thu nhập của chị bình quân 30.000.000 đồng/tháng từ việc buôn bán tôm và buôn bán nước giải khát; về nhà ở thì cha mẹ chị có 02 người con, anh của chị N có nhà riêng có cơ sở nuôi tôm, nên chị ở cùng cha mẹ. Lý do anh T cho rằng quê của chị N là vùng sông nước nên không đảm bảo điều kiện học hành của con là không có căn cứ, không phù hợp với quy định “Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh” theo khoản 2 Điều 16 của Luật trẻ em.

Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T cho rằng chị N ngoại tình được anh T bắt gặp qua những tin nhắn điện thoại nên về mặt đạo đức không đủ điều kiện nuôi con. Tại hồ sơ vụ án, anh T có nộp tài liệu là tin nhắn trao đổi được in từ điện thoại nhưng không nộp kèm xuất xứ nguồn gốc thu thập tài liệu, do đó tài liệu này được thu thập không tuân theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, do đó căn cứ khoản 3 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tài liệu này không phải là chứng cứ để chứng minh chị N ngoại tình vi phạm đạo đức.

Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số 54 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 9 năm 2022 để sửa án sơ thẩm giao cháu Trần Tâm Như N1 cho anh T nuôi dưỡng vì có nội dung tương tự là chị N bỏ đi khi con còn nhỏ. Hội đồng xét xử xem xét trường hợp của chị N và tình huống của Án lệ:

Về tình tiết người vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột “khi con còn rất nhỏ”: tình huống Án lệ là người vợ bỏ đi khi con mới 4 tháng tuổi; còn chị N bỏ về cha mẹ ruột vào tháng 9/2023 khi cháu N1 đã 34 tháng tuổi nên không thuộc trường hợp “khi con còn rất nhỏ”.

Xét tình huống Án lệ “người mẹ tự ý bỏ đi ..., không quan tâm đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người con được người cha nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt và đã quen với điều kiện, môi trường sống đó” với trường hợp của chị N: dù vợ chồng đã mâu thuẫn anh T đã có đơn khởi kiện ly hôn nhưng chị N vẫn không bỏ con để đi. Tại phiên hòa giải ngày 11/7/2023 (bút lục số 90-91) chị N vẫn thể hiện rõ quan điểm sau khi ly hôn chị xin nuôi cháu N1 và chị sẽ về ở với cha mẹ tại tỉnh Trà Vinh. Lời khai của chị N tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đều thể hiện trong quá trình chờ Tòa án sơ thẩm giải quyết thì anh T và gia đình chồng không cho chị N sử dụng điện thoại, đi ra khỏi nhà phải xin phép, do vậy cha mẹ chị N phải đưa chị N về quê Trà Vinh. Anh T cũng thừa nhận tình tiết này, do đó trường hợp của chị N trong hoàn cảnh này không thể không bỏ về nhà cha mẹ nên đây không thuộc trường hợp “người mẹ tự bỏ nhà đi” như Án lệ. Cháu N1 đến nay hơn 3 tuổi, từ nhỏ đến thời điểm tháng 9/2023 cháu chủ yếu được chị N chăm sóc. Tại phiên tòa, anh T cũng xác nhận trước khi anh T khởi kiện ly hôn thì các con do chị N chăm sóc, đưa đón đi học. Chỉ đến khi mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị N mới để các con ở lại gia đình chồng và về sống chung với cha mẹ tại tỉnh Trà Vinh. Sau khi đã có Bản án sơ thẩm, trong quá trình anh T nuôi con đã sơ ý để cháu N1 bị chấn thương gãy tay, chị N về chăm sóc cháu trong thời gian điều trị.

Từ phân tích trên, xét chị N thuộc trường hợp buộc phải đi khỏi gia đình chồng do bị áp lực tinh thần và bỏ đi khi con đã 34 tháng tuổi, chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con từ nhỏ cho đến tháng 9/2023. Mặc dù không sống cùng các con nhưng luôn quan tâm đến các con. Do đó, Hội đồng xét xử xác định không áp dụng Án lệ số 54/2022/AL đối với vụ án tranh chấp nuôi con của anh T, chị N theo đề nghị của Luật sư của anh T.

Hiện nay, cháu Ngọc Y trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở với anh T, cháu Như N1 hiện còn nhỏ lại là con gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như N1. Vì vậy, Tòa án cấp

sơ thẩm giao cháu Ngọc Y cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Như N1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp tình, hợp lý, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự và con chung khi ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T kháng cáo nhưng không đưa ra căn cứ nào mới xác định chị N không đủ điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đề nghị.

[2.3] Đề nghị của người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của anh T không phù hợp với nhận định trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 117/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Huỳnh N.

2. Về con chung:

Anh Trần Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 08/6/2013.

Chị Nguyễn Huỳnh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Tâm Như N1, sinh ngày 29/01/2021; buộc anh T giao cháu Trần Tâm Như N1 cho chị N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc các tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai tạm ứng số 0011962 ngày 26-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc; hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng còn lại 150.000 đồng. Chị N phải chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn.

- Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002559 ngày 23-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Anh Trần Văn T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (04/6/2024).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Xuyên Mộc;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Lưu: Tòa HNGĐ, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lý Thị Lệ Thủy